

CHƯƠNG 15

MUA SẴM CHÍNH PHỦ

**(Bản dịch không chính thức của Cục Quản lý đấu thầu,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**

Bản này là nội dung cam kết TPP - CPTPP tiếp tục tất cả các cam kết TPP ngoại trừ các nội dung tạm hoãn (được đánh dấu chú thích bởi TTWTO-VCCI)

TPP

HIỆP ĐỊNH XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)

CHƯƠNG 15

MUA SẮM CHÍNH PHỦ

BẢN CHÀO CỦA NHẬT BẢN

(30/10/2015)

PHẦN A

Cơ quan mua sắm cấp trung ương

Ngưỡng giá gói thầu:

100,000 SDRs	<i>Hàng hóa</i>
4,500,000 SDRs	<i>Xây lắp</i>
450,000 SDRs	<i>Dịch vụ kiến trúc, tư vấn kỹ thuật và các dịch vụ kỹ thuật khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 15 (Mua sắm chính phủ)</i>
100,000 SDRs	<i>Các dịch vụ khác</i>

Danh sách cơ quan mua sắm:

Tất cả các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Accounts Law (Law No. 35 of 1947) (Luật Kế toán (Luật số 35 năm 1947) như liệt kê sau đây:

- Hạ viện
- Tham nghị viện
- Tòa án tối cao
- Ban Kiểm toán
- Nội các
- Cơ quan Nhân sự quốc gia
- Văn phòng Nội các
- Cục Tái thiết
- Cục gia đình hoàng đế
- Ủy ban Thương mại Nhật Bản
- Ủy ban an toàn công cộng quốc gia (Cục Cảnh sát quốc gia)
- Ủy ban bảo vệ thông tin cá nhân
- Cục dịch vụ tài chính
- Cục Giao thiệp khách hàng
- Bộ Nội vụ và Truyền thông
- Bộ Tư pháp
- Bộ Ngoại giao
- Bộ Tài chính
- Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ
- Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi
- Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản
- Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp
- Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch
- Bộ Môi trường
- Bộ Quốc phòng

Lưu ý đối với phần A

Các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Kế toán bao gồm cả những đơn vị trực thuộc, đơn vị độc lập, tổ chức liên quan và các tổ chức khác cũng như chi nhánh trong nước của các cơ quan đó theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ (Luật số 120 năm 1948) và Luật xây dựng Nội các (Luật số 89 năm 1999).

PHẦN B

Các cơ quan cấp địa phương

Ngưỡng giá gói thầu:

200,000 SDRs	<i>Hàng hóa</i>
15,000,000 SDRs	<i>Xây lắp</i>
1,500,000 SDRs	<i>Dịch vụ kiến trúc, tư vấn kỹ thuật và các dịch vụ kỹ thuật khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương Mua sắm chính phủ</i>
200,000 SDRs	<i>Các dịch vụ khác</i>

Danh sách các cơ quan:

Tất cả các chính quyền địa phương cấp “To”, “Do”, “Fu” và “Ken”, cũng như tất cả các thành phố “Shitei-toshi”, thuộc phạm vi điều chỉnh của Local Autonomy Law (Law No. 67 of 1947) (Luật Tự chủ Địa phương (Luật số 67 năm 1947)) như liệt kê sau đây:

- Hokkaido
- Aomori-ken
- Iwate-ken
- Miyagi-ken
- Akita-ken
- Yamagata-ken
- Fukushima-ken
- Ibaraki-ken
- Tochigi-ken
- Gunma-ken
- Saitama-ken
- Chiba-ken
- Tokyo-to
- Kanagawa-ken
- Niigata-ken
- Toyama-ken
- Ishikawa-ken
- Fukui-ken
- Yamanashi-ken
- Nagano-ken
- Gifu-ken
- Shizuoka-ken
- Aichi-ken
- Mie-ken
- Shiga-ken
- Kyoto-fu
- Osaka-fu
- Hyogo-ken
- Nara-ken
- Wakayama-ken
- Tottori-ken
- Shimane-ken
- Okayama-ken
- Hiroshima-ken
- Yamaguchi-ken
- Tokushima-ken

- Kagawa-ken
- Ehime-ken
- Kochi-ken
- Fukuoka-ken
- Saga-ken
- Nagasaki-ken
- Kumamoto-ken
- Oita-ken
- Miyazaki-ken
- Kagoshima-ken
- Okinawa-ken
- Osaka-shi
- Nagoya-shi
- Kyoto-shi
- Yokohama-shi
- Kobe-shi
- Kitakyushu-shi
- Sapporo-shi
- Kawasaki-shi
- Fukuoka-shi
- Hiroshima-shi
- Sendai-shi
- Chiba-shi
- Saitama-shi
- Shizuoka-shi
- Sakai-shi
- Niigata-shi
- Hamamatsu-shi
- Okayama-shi
- Sagamihara-shi
- Kumamoto-shi

Lưu ý đối với Phần B

1. Đối với Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Hoa Kỳ và Việt Nam, Chương Mua sắm chính phủ không áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan được liệt kê trong Phần B.
2. "To", "Do", "Fu", "Ken" và "Shitei-toshi" thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tự chủ Địa phương bao gồm tất cả các đơn vị trực thuộc, các tổ chức liên quan và văn phòng chi nhánh của tất cả thống đốc hay tỉnh trưởng, các ủy ban cũng như các tổ chức khác theo quy định của Luật Tự chủ Địa phương.
3. Chương Mua sắm chính phủ không áp dụng đối với gói thầu phục vụ các hoạt động tìm kiếm lợi nhuận hàng ngày trên thị trường cạnh tranh. Lưu ý này không được vận dụng nhằm trốn tránh nghĩa vụ của Chương 15 (Mua sắm chính phủ)
4. Gói thầu liên quan tới an toàn giao thông không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này.
5. Gói thầu liên quan tới sản xuất, truyền tải và phân phối điện không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này.

PHẦN C

Các cơ quan khác

Ngưỡng giá gói thầu:

130.000 SDR 4,5 triệu SDR	<i>Gói thầu Hàng hóa Gói thầu xây lắp của Japan Post Holdings Company Limited, Japan Post Company Limited, Japan Post Bank Company Limited, Japan Post Insurance Company Limited, và Management Organization for Postal Savings and Postal Life Insurance trong Nhóm A</i>
15 triệu SDR	<i>Gói thầu xây lắp của tất cả các cơ quan khác trong Nhóm A</i>
4,5 triệu SDR 450.000 SDR	<i>Gói thầu xây lắp của các cơ quan trong Nhóm B</i>
130.000 SDR	<i>Gói thầu dịch vụ kiến trúc, tư vấn kỹ thuật và các dịch vụ kỹ thuật khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương Mua sắm chính phủ Dịch vụ khác</i>

Danh sách các cơ quan

1. Nhóm A

- Tập đoàn Công nghiệp Chăn nuôi và Nông nghiệp
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn đường cao tốc trung tâm Nippon
- Ngân hàng phát triển Nhật Bản Inc.
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn đường cao tốc Đông Nippon
- Cục Bảo tồn và Phục hồi môi trường
- Quỹ trợ cấp của Nông dân
- Quỹ xúc tiến và Phát triển của Quần đảo Amami
- Quỹ Trợ cấp đầu tư của Chính phủ
- Công ty TNHH đường cao tốc Hanshin
- Dịch vụ xử lý bồi thường và hoàn trả bảo hiểm y tế
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cầu đường cao tốc Honshu-Shikoku
- Tổng công ty rượu Nhật Bản
- Hội đồng nghệ thuật Nhật Bản
- Cục Năng lượng nguyên tử Nhật Bản
- Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản
- Công ty An toàn và dự trữ môi trường Nhật bản
- Cục Trả nợ và Thuê mướn Nhật bản
- Tổ chức Ngoại thương Nhật Bản
- Tổng công ty Tài chính Nhật Bản
- Tổ chức tài chính dành cho đô thị Nhật Bản
- Quỹ Nhật Bản
- Cục Tài chính Nhà ở Nhật Bản
- Viện Chính sách Lao động và Đào tạo Nhật Bản
- Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản
- Tổ chức Sức khỏe lao động và Phúc lợi Nhật Bản
- Tổ chức Du lịch quốc gia Nhật Bản
- Tổng công ty Dầu, Khí và Kim loại quốc gia Nhật Bản
- Tổ chức của Nhật Bản về việc làm của người già, người khuyết tật và người tìm việc
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng bưu điện Nhật Bản
- Công ty trách nhiệm hữu hạn bưu điện Nhật Bản
- Công ty trách nhiệm hữu hạn thuê mướn bưu điện Nhật Bản
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm bưu điện Nhật Bản
- Hiệp hội đua xe Nhật Bản

- Cục Xây dựng đường sắt, Giao thông và Công nghệ Nhật Bản (a) (e)
- Cục Khoa học và Công nghệ Nhật Bản
- Hội Xúc tiến Khoa học Nhật Bản
- Hội đồng thể thao Nhật Bản
- Cơ quan dịch vụ sinh viên Nhật Bản
- Cục Nước Nhật Bản
- JKA
- Tổ chức quản lý Tiết kiệm bưu điện và bảo hiểm nhân thọ
- Công ty trách nhiệm hữu hạn đường cao tốc Metropolitan
- Hiệp hội tổ chức cán bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp, và Thủy sản
- Tổng công ty hàng không quốc tế Narita
- Hiệp hội đua xe quốc gia
- Trung tâm quốc gia cho người khuyết tật trí tuệ Nozominosono
- Trung tâm giao dịch khách hàng Nhật Bản
- Tổ chức phát triển Công nghiệp công nghệ và năng lượng mới
- Hiệp hội Lợi tức Lãnh thổ phía bắc
- Công ty phát triển tài chính Okinawa
- Tổ chức Trường Đại học Mở Nhật Bản
- Tổ chức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa và đổi mới khu vực, Nhật Bản
- Tổ chức Viện trợ chung về Hưu trí của công nhân
- Tổng công ty Xúc tiến và Viện trợ cho Trường học Tư thục Nhật Bản
- RIKEN (c)
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Tokyo Metro (b)
- Cục Phục hưng đô thị
- Cơ quan dịch vụ Y tế và Phúc lợi
- Công ty trách nhiệm hữu hạn đường cao tốc Tây Nippon

2. Nhóm B

- Viện Nghiên cứu xây dựng
- Trung tâm về Đại học quốc gia Tài chính và Quản trị
- Cao đẳng Hàng không dân dụng
- Viện Nghiên cứu dẫn đường điện tử
- Cơ quan Nghiên cứu thủy sản
- Trung tâm Giám định thức ăn và vật tư nông nghiệp
- Viện Nghiên cứu lâm nghiệp và sản phẩm lâm nghiệp
- Tập đoàn viện nghiên cứu liên đại học
- Tổ chức Bảo hiểm y tế Nhật Bản
- Trung tâm nghiên cứu quốc tế Nhật Bản về khoa học nông nghiệp
- Japan Mint
- Dịch vụ hưu trí Nhật Bản
- Tổ chức quản lý lao động nhân viên USFJ
- Cơ quan giáo dục công nghệ hàng hải
- Cơ quan quốc gia kiểm định phương tiện
- Tổ chức nghiên cứu nông nghiệp và lương thực quốc gia
- Cơ quan lưu trữ quốc gia Nhật Bản
- Trung tâm ung thư quốc gia
- Trung tâm quốc gia về Sức khỏe và phát triển Nhật Bản
- Trung tâm quốc gia về lão khoa và người cao tuổi
- Trung tâm quốc gia về y tế toàn cầu và dược phẩm
- Trung tâm quốc gia về thông tin và đào tạo tài sản công nghiệp
- Trung tâm quốc gia về hạt giống và cây trồng
- Trung tâm quốc gia về phát triển nhà giáo
- Trung tâm quốc gia về khảo thí
- Trung tâm quốc gia về thần kinh và tâm thần học
- Trung tâm não và tim mạch quốc gia
- Đại học Thủy sản quốc gia
- Tổ chức bệnh viện quốc gia
- Viện quốc gia về khoa học môi trường nông nghiệp
- Viện quốc gia về nghiên cứu môi trường

- Viện quốc gia về khoa học vật liệu
 - Viện quốc gia về đào tạo biển
 - Viện quốc gia về khoa học và công nghệ công nghiệp tiên tiến
 - Viện quốc gia về khoa học sinh học nông nghiệp
 - Viện quốc gia về thông tin và truyền thông
 - Viện quốc gia về sức khoẻ và an toàn lao động
 - Viện quốc gia về khoa học phóng xạ
 - Viện quốc gia về giáo dục đặc biệt
 - Viện quốc gia về công nghệ
 - Viện quốc gia về công nghệ và đánh giá
 - Viện quốc gia về di sản văn hoá
 - Viện quốc gia về đổi mới, sức khoẻ và dinh dưỡng sinh y học (f)
 - Viện quốc gia về bằng cấp và đánh giá chất lượng đại học
 - Viện quốc gia về giáo dục thanh niên
 - Trung tâm quốc gia giống vật nuôi
 - Trung tâm nghiên cứu hải dương học quốc gia
 - Bảo tàng nghệ thuật quốc gia
 - Bảo tàng quốc gia về tự nhiên và khoa học
 - Cục in ấn quốc gia
 - Viện nghiên cứu quốc gia về khoa học trái đất và phòng chống thảm hoạ tự nhiên
 - Viện nghiên cứu quốc gia về lên men
 - Trung tâm thông kê quốc gia
 - Phòng thí nghiệm an toàn giao thông và môi trường quốc gia
 - Tập đoàn đại học quốc gia
 - Trung tâm giáo dục phụ nữ quốc gia
 - Bảo hiểm xuất khẩu và đầu tư Nippon
 - Viện nghiên cứu cảng và sân bay
 - Viện nghiên cứu công trình công đồng
- Viện nghiên cứu Kinh tế, thương mại và công nghiệp

Lưu ý đối với phần C

1. Chương Mua sắm chính phủ không áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan thuộc Nhóm A nhằm phục vụ các hoạt động tìm kiếm lợi nhuận hàng ngày trên thị trường cạnh tranh. Cơ quan mua sắm không được lợi dụng lưu ý này để trốn tránh nghĩa vụ trong Chương Mua sắm chính phủ.
2. Lưu ý đối với một số cơ quan cụ thể
 - (a) Đối với các hoạt động liên quan đến xây dựng đường sắt của Cục Xây dựng đường sắt, Giao thông và Công nghệ Nhật Bản, các gói thầu liên quan đến an toàn giao thông vận tải không thuộc phạm vi điều chỉnh.
 - (b) Đối với Công ty TNHH Tokyo Metro, các gói thầu liên quan đến an toàn giao thông vận tải không thuộc phạm vi điều chỉnh.
 - (c) Đối với Cục Năng lượng nguyên tử Nhật Bản và RIKEN, Chương Mua sắm chính phủ không áp dụng đối với các gói thầu có thể dẫn tới việc tiết lộ thông tin không phù hợp với mục đích của Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí Hạt nhân hoặc các thỏa thuận quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ cũng như các gói thầu liên quan đến các hoạt động bảo đảm an toàn khi sử dụng và quản lý vật liệu phóng xạ hay ứng phó với các trường hợp khẩn cấp của cơ sở hạt nhân.
 - (d) Đối với Tổng công ty Dầu, Khí và Kim loại quốc gia Nhật Bản, các gói thầu liên quan đến khảo sát địa chất và địa vật lý sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh.
 - (e) Đối với các hoạt động đóng tàu của Cục Xây dựng đường sắt, Giao thông và

Công nghệ Nhật Bản, các gói thầu mua sắm tàu để đồng sở hữu với các công ty tư nhân sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh.

- (f) Đối với Viện quốc gia về đổi mới, sức khỏe và dinh dưỡng sinh y học, các gói thầu không phải của Viện sức khỏe và dinh dưỡng quốc gia sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh.

PHẦN D

Hàng hoá

1. Chương Mua sắm chính phủ áp dụng đối với tất cả hàng hóa trong gói thầu của các cơ quan được liệt kê từ Phần A đến Phần C, trừ trường hợp có quy định khác trong Hiệp định này.
2. Chương Mua sắm chính phủ áp dụng đối với các gói thầu của Bộ Quốc phòng mua sắm hàng hoá thuộc các nhóm dưới đây nằm trong Danh mục Phân loại Hàng hoá Liên bang, căn cứ theo quy định của Chính phủ Nhật Bản phù hợp với Khoản 2 Điều 29.1 (XXXX):

FSC Mô tả

- 22 Thiết bị đường sắt
- 24 Máy kéo
- 32 Máy móc và thiết bị xử lý gỗ
- 34 Máy xử lý kim loại
- 35 Thiết bị dịch vụ và thương mại
- 36 Máy công nghiệp chuyên dụng
- 37 Máy và thiết bị nông nghiệp
- 38 Thiết bị Xây dựng, Khai mỏ, Đào đất và Bảo trì đường cao tốc
- 39 Thiết bị xử lý vật liệu
- 40 Dây thừng, Dây cáp, Dây xích và Phụ kiện
- 41 Thiết bị làm mát, Điều hoà không khí và Lưu thông không khí
- 43 Máy bơm và Máy nén khí
- 45 Hệ thống nước, hệ thống sưởi ấm và Thiết bị vệ sinh
- 46 Thiết bị xử lý nước sạch và xử lý nước thải
- 47 Ống và phụ kiện
- 48 Van
- 51 Dụng cụ cầm tay
- 52 Công cụ đo lường
- 55 Gỗ xẻ, Gỗ nội thất, Ván ép và Veneer
- 61 Dây điện và thiết bị điện và thiết bị phân phối
- 62 Đèn chiếu sáng và đèn
- 65 Thiết bị và Vật tư y tế, nha khoa và thú y
- 6630 Dụng cụ phân tích hóa học
- 6635 Thiết bị kiểm tra tính chất vật lý
- 6640 Thiết bị và Vật tư phòng thí nghiệm
- 6645 Dụng cụ đo thời gian
- 6650 Dụng cụ quang học
- 6655 Dụng cụ Địa vật lý và thiên văn
- 6660 Thiết bị và bộ dụng cụ khí tượng
- 6670 Cân
- 6675 Dụng cụ soạn thảo, Khảo sát, Lập bản đồ
- 6680 Dụng cụ đo lường chất lỏng, khí gas, lưu lượng chất lỏng và cơ điện
- 6685 Dụng cụ đo lường và kiểm soát áp suất nhiệt độ, độ ẩm
- 6695 Thiết bị kết hợp và pha trộn khác
- 67 Thiết bị nhiếp ảnh
- 68 Hóa chất và sản phẩm hoá chất
- 71 Đồ nội thất
- 72 Đồ nội thất và đồ gia dụng của hộ gia đình và thương mại
- 73 Thiết bị chế biến và phục vụ thực phẩm

- 74 Thiết bị Máy móc văn phòng và thiết bị ghi hình
- 75 Thiết bị và phương tiện văn phòng
- 76 Sách, bản đồ, và ấn phẩm khác
- 77 Nhạc cụ, máy hát, và Radio dạng để nhà
- 79 Thiết bị và phương tiện làm sạch
- 80 Các loại bàn chải, Sơn, Chất đệm, và Keo
- 8110 Thùng và lon
- 8115 Hộp, Thùng, và thùng
- 8125 Chai và Chum
- 8130 Ống cuốn
- 8135 Nguyên liệu Bao bì và đóng gói hàng loạt
- 85 Dụng cụ nhà vệ sinh
- 87 vật tư nông nghiệp
- 93 Vật liệu chế tạo không phải kim loại
- 94 Vật liệu thô không kim loại
- 99 Hỗn hợp

PHẦN E

Dịch vụ

Chương Mua sắm chính phủ áp dụng đối với các dịch vụ sau đây theo quy định trong Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm Tạm thời của Liên Hợp Quốc (CPC) năm 1991

(CPC), 1991)

- 51 Các công trình xây dựng
- 6112 Dịch vụ bảo trì và sửa chữa các phương tiện gắn máy (Lưu ý 1)
- 6122 Dịch vụ Bảo trì và sửa chữa của xe máy và xe máy tuyết (Lưu ý 1)
- 633 Dịch vụ sửa chữa hàng cá nhân và hộ gia đình
- 642 Dịch vụ phục vụ thực phẩm (Lưu ý 5)
- 643 Dịch vụ phục vụ đồ uống (Lưu ý 5)
- 712 Các dịch vụ vận tải đường bộ khác (trừ vận tải thư bằng đường bộ 71.235)
- 7213 Dịch vụ cho thuê phương tiện đường biển có tổng đài
- 7223 Dịch vụ cho thuê phương tiện không đi biển có tổng đài
- 73 Dịch vụ vận tải hàng không (trừ Dịch vụ vận chuyển phát thư hàng không 73.210)
- 748 Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa
- 7512 Dịch vụ Chuyển phát nhanh (Lưu ý 2)
 - Dịch vụ viễn thông
 - MTN.GNS/W/120
 - CPC tương ứng
 - 2.C.h. - 7523 Thư điện tử
 - 2.C.i. - 7521 Hộp thư thoại
 - 2.C.j. - 7523 Thông tin trực tuyến và cơ sở dữ liệu phục hồi
 - 2.C.k. - 7523 Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI)
 - 2.C.l. - 7529 Dịch vụ fax nâng cao
 - 2.C.m. - 7523 Mã và chuyển đổi giao thức; và
 - 2.C.n. - 7523 Thông tin trực tuyến và / hoặc xử lý dữ liệu (bao gồm cả xử lý giao dịch)
- 83106
 - to 83108 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị nông nghiệp không có người điều khiển (Lưu ý 5)
 - 83203 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê liên quan tới đồ đạc và các đồ gia dụng khác (Lưu ý 5)
 - 83204 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê thiết bị giải trí và thư giãn (Lưu ý 5)

- 83209 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê hàng hóa cá nhân hoặc hộ gia đình (Lưu ý 5)
 - 84 Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan
 - 864 Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng
 - 865 Dịch vụ tư vấn quản lý (Lưu ý 5)
 - 866 Các dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý (trừ 86602 Dịch vụ Trọng tài và hòa giải) (Lưu ý 5)
 - 867 Dịch vụ kiến trúc, tư vấn kỹ thuật và các dịch vụ kỹ thuật khác (Lưu ý 3)
 - 871 Dịch vụ quảng cáo
 - 87304 Dịch vụ xe chống đạn
 - 874 Dịch vụ lau dọn các tòa nhà
 - 876 Dịch vụ đóng gói (Lưu ý 5)
 - 8814 Dịch vụ liên lâm nghiệp và khai thác gỗ, bao gồm cả quản lý rừng
 - 88442 Dịch vụ xuất bản và in ấn (Lưu ý 4)
 - 886 Dịch vụ sửa chữa khác nhau cho các sản phẩm kim loại, máy móc và thiết bị
 - 921 Các dịch vụ giáo dục tiểu học
 - 922 Các dịch vụ giáo dục trung học
 - 923 Các dịch vụ giáo dục cao hơn
 - 924 Các dịch vụ giáo dục dành cho người lớn khác
- 94 Dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải, dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ môi trường khác
- 9611 Dịch vụ sản xuất và phân phối phim và băng hình (trừ 96.112 Dịch vụ sản xuất phim hoặc băng hình)

Lưu ý đối với Phần E

1. Chương này không áp dụng đối với gói thầu dịch vụ bảo trì và sửa chữa phương tiện gắn máy, xe máy và xe trượt tuyết mà phải thay đổi cũng như bị kiểm tra để đáp ứng các quy định của cơ quan mua sắm.
2. Dịch vụ chuyển phát thư không thuộc phạm vi điều chỉnh.
3. Chương này áp dụng đối với gói thầu dịch vụ kiến trúc, tư vấn kỹ thuật và các dịch vụ kỹ thuật khác liên quan đến dịch vụ xây dựng, ngoại trừ các dịch vụ sau đây khi được mua sắm một cách độc lập:
 - Dịch vụ thiết kế cuối cùng thuộc Dịch vụ thiết kế kiến trúc theo CPC 86712.
 - Các dịch vụ quản lý hợp đồng theo CPC 86713

Dịch vụ thiết kế, bao gồm một hoặc nhiều kế hoạch, thông số và ước tính chi phí thuộc Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc xây dựng móng và kết cấu toà nhà theo CPC 86722, hoặc Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc lắp đặt cơ khí và lắp đặt điện cho các tòa nhà theo CPC 86723, hoặc Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng theo CPC 86724; và

- Các dịch vụ kỹ thuật khác trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt theo CPC 86727.

4. Dịch vụ xuất bản và in ấn tài liệu mật không thuộc phạm vi điều chỉnh.

5. Chương Mua sắm chính phủ không áp dụng đối với gói thầu mua sắm các dịch vụ sau đây của những cơ quan được liệt kê trong Phần B và Phần C:

- CPC 642 Dịch vụ phục vụ thực phẩm
- CPC 643 Dịch vụ phục vụ đồ uống
- CPC 83106 to 83108 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị nông nghiệp không có người điều khiển
- CPC 83203 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê liên quan tới đồ đạc và các đồ gia dụng khác
- CPC 83204 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê thiết bị giải trí và thư giãn
- CPC 83209 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê hàng hóa cá nhân hoặc hộ gia đình
- CPC 865 Dịch vụ tư vấn quản lý
- CPC 866 Các dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý (trừ Dịch vụ trọng tài và hòa giải theo CPC 86602)
- CPC 876 Dịch vụ đóng gói

PHẦN F

Dịch vụ xây dựng

Danh sách dịch vụ thuộc Nhóm 51, Danh mục Phân loại Hàng hóa Trung tâm Tạm thời (CPC)

năm 1991

Tất cả các dịch vụ được liệt kê trong Nhóm 51.

Lưu ý đối với phần F

Chương này áp dụng đối với gói thầu liên quan đến dự án xây dựng phạm vi điều chỉnh của Luật Khuyến khích Sáng kiến Tài chính cá nhân (Luật số 117 năm 1999) ngày 30 tháng Mười một năm 2011.

PHẦN G

Các lưu ý chung

1. Chương Mua sắm chính phủ không áp dụng đối với gói thầu trao cho các hợp tác xã hoặc hiệp hội theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực đối với Nhật Bản.
2. Trừ trường hợp được quy định tại Lưu ý đối với Phần F, Chương này áp dụng đối với các gói thầu liên quan đến dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Khuyến khích Sáng kiến Tài chính cá nhân (Luật số 117 năm 1999) ngày 10 tháng Mười hai năm 2010.

PHẦN H

Công thức điều chỉnh ngưỡng giá gói thầu

1. Các ngưỡng giá gói thầu được điều chỉnh vào các năm chẵn với hiệu lực của mỗi lần điều chỉnh bắt đầu vào ngày 01 tháng tư, kể từ ngày 01 tháng Tư năm 201X.
2. Hai năm một lần, Nhật Bản sẽ tính toán và công bố giá trị của các ngưỡng mở cửa trong Chương này bằng đồng Yên. Việc tính toán sẽ dựa trên tỷ lệ chuyển đổi do Quỹ Tiền tệ Quốc tế công bố hàng tháng trong dữ liệu “Thống kê Tài chính Quốc tế”.
3. Tỷ lệ chuyển đổi là bình quân giá trị hàng ngày của đồng Yên tính theo Quyền Rút vốn Đặc biệt (SDR) trong khoảng thời gian hai năm trước ngày 01 tháng Một của năm mà ngưỡng điều chỉnh bắt đầu có hiệu lực.
4. Nhật Bản có nghĩa vụ thông báo cho các Nước thành viên khác về ngưỡng mở cửa hiện tại bằng đồng Yên ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực cũng như các ngưỡng điều chỉnh sau đó một cách kịp thời.
5. Nhật Bản sẽ tiến hành tham vấn nếu có sự thay đổi lớn về giá trị của đồng Yên so với SDR hoặc so với đồng tiền của một Nước thành viên khác mà gây ra vấn đề nghiêm trọng đối với việc áp dụng Chương này.

PHẦN I

Thông tin đấu thầu

1. Phương tiện điện tử hoặc báo giấy dùng để đăng tải thông tin như mô tả tại Khoản 1 Điều 15.6 (Đăng tải thông tin đấu thầu) theo quy định tại Khoản 2 Điều đó.

(a) Phần A

Kanpō
và/hoặc Hōreizensho

(b) Phần B

Kenpō
Shihō
hoặc tương đương,

hoặc Kanpō
và/hoặc Hōreizensho

(c) Phần C

Kanpō
và/hoặc Hōreizensho

hoặc http://www.mofa.go.jp/mofaj/ecm/ep/page24_000444.html

2. Phương tiện điện tử hoặc báo giấy dùng để đăng tải thông báo theo yêu cầu của Điều 15.7 (Thông báo kế hoạch đấu thầu), Khoản 3 Điều 15.9 (Năng lực nhà thầu) và Khoản 3 Điều 15.16 (Thông tin trao hợp đồng) theo quy định tại Khoản 2 Điều 15.6 (Đăng tải thông tin đấu thầu).

(a) Phần A

Kanpō (có sẵn trên báo giấy và tại địa chỉ <http://kanpou.npb.go.jp>)

(b) Phần B

Kenpō;
Shihō;
hoặc tương đương

(c) Phần C

Kanpō
hoặc http://www.mofa.go.jp/mofaj/ecm/ep/page24_000444.html

PHẦN J

Biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi phù hợp với Điều 15.5 (Biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi)

Chưa có cam kết